



CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN ĐẠI VIỆT

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ
CHO GIAI ĐOẠN SÁU THÁNG KẾT THÚC NGÀY 30 THÁNG 6 NĂM 2013**

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN ĐẠI VIỆT

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ CHO GIAI ĐOẠN SÁU THÁNG KẾT THÚC NGÀY 30 THÁNG 6 NĂM 2013

NỘI DUNG	TRANG
Thông tin về doanh nghiệp	1
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	2
Báo cáo soát xét	3
Bảng cân đối kế toán giữa niên độ (Mẫu số B 01a - CTCK)	5
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ (Mẫu số B 02a - CTCK)	8
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ (Mẫu số B 03a - CTCK)	9
Báo cáo tình hình thay đổi vốn chủ sở hữu giữa niên độ (Mẫu số B 05a - CTCK)	10
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ (Mẫu số B 09a - CTCK)	11

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN ĐẠI VIỆT

THÔNG TIN VỀ DOANH NGHIỆP

**Giấy chứng nhận đăng ký
kinh doanh**

Số 4103004900 ngày 16 tháng 6 năm 2006

Giấy chứng nhận đăng ký dinh doanh do Sở Kế
hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp.

Giấy phép thành lập và hoạt động

Số 15/UBCK-GPHĐKD ngày 28 tháng 6 năm 2006
và các giấy phép điều chỉnh do Ủy ban Chứng
khoán Nhà Nước cấp.

Hội đồng Quản trị

Ông Hứa Xường	Chủ tịch
Ông Đỗ Hoàng Linh	Thành viên
Bà Ngô Nguyễn Đoan Trang	Thành viên
Ông Ngô Trí Đức	Thành viên
Bà Trịnh Thị Tuyết Minh	Thành viên
Bà Lê Thị Bích Thủy	Thành viên
Ông Nguyễn Thành Duy	Thành viên

Ban kiểm soát

Ông Hoàng Văn Tự	Trưởng ban Kiểm soát
Ông Mai Trọng Luận	Thành viên
Ông Vũ Huy Nhân	Thành viên

Ban Tổng Giám đốc

Bà Hoàng Thị Tâm	Tổng Giám đốc
------------------	---------------

Người đại diện theo pháp luật

Ông Hứa Xường	Chủ tịch
---------------	----------

Trụ sở chính

46 - 48 Tôn Thất Đạm, phường Nguyễn Thái Bình
Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

Chi nhánh

96 Bà Triệu, phường Hàng Bài, quận Hoàn Kiếm,
Thành phố Hà Nội

Kiểm toán viên

Công ty TNHH PricewaterhouseCoopers (Việt Nam)

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN ĐẠI VIỆT

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Người đại diện theo pháp luật ủy quyền cho Ban Tổng Giám đốc của Công ty Cổ phần Chứng khoán Đại Việt ("Công ty") chịu trách nhiệm lập các báo cáo tài chính giữa niên độ thể hiện trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2013, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của giai đoạn sáu tháng kết thúc vào ngày nêu trên. Trong việc soạn lập các báo cáo tài chính giữa niên độ này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- chọn lựa các chính sách kế toán phù hợp và áp dụng một cách nhất quán;
- thực hiện các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng; và
- soạn lập các báo cáo tài chính giữa niên độ trên cơ sở đơn vị hoạt động liên tục trừ khi không thích hợp để cho là Công ty sẽ tiếp tục hoạt động.

Ban Tổng Giám đốc của Công ty chịu trách nhiệm bảo đảm rằng các sổ sách kế toán đúng đắn đã được thiết lập và duy trì để thể hiện tình hình tài chính của Công ty với độ chính xác hợp lý tại mọi thời điểm và để làm cơ sở soạn lập các báo cáo tài chính giữa niên độ tuân thủ theo chế độ kế toán được trình bày ở Thuyết minh số 2 của các báo cáo tài chính giữa niên độ. Ban Tổng Giám đốc của Công ty cũng chịu trách nhiệm đối với việc bảo vệ các tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp hợp lý để phòng ngừa và phát hiện các gian lận và các sai phạm khác.

PHÊ CHUẨN CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Theo đây, chúng tôi phê chuẩn các báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm từ trang 5 đến trang 34. Các báo cáo tài chính giữa niên độ này phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2013, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ của giai đoạn sáu tháng kết thúc cùng ngày nêu trên phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan áp dụng cho công ty chứng khoán hoạt động tại nước CHXHCN Việt Nam.



Hoàng Thị Tâm
Tổng Giám đốc



Hứa Xường
Chủ tịch Hội đồng Quản trị

TP. Hồ Chí Minh, nước CHXHCN Việt Nam
Ngày 16 tháng 8 năm 2013

BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT GỬI HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN ĐẠI VIỆT

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét các báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Chứng khoán Đại Việt (“Công ty”) được Ban Tổng Giám đốc của Công ty phê duyệt ngày 16 tháng 8 năm 2013. Báo cáo tài chính giữa niên độ này bao gồm: bảng cân đối kế toán tại ngày 30 tháng 6 năm 2013, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho kỳ sáu tháng kết thúc vào ngày nêu trên, báo cáo tình hình thay đổi vốn chủ sở hữu giữa niên độ cùng các thuyết minh cho báo cáo tài chính giữa niên độ từ trang 5 đến 34. Ban Tổng Giám đốc của Công ty chịu trách nhiệm soạn lập và trình bày hợp lý các báo cáo tài chính giữa niên độ này theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan áp dụng cho các công ty chứng khoán hoạt động tại nước CHXHCN Việt Nam.

Báo cáo tài chính tại ngày 30 tháng 6 năm 2012 và cho giai đoạn sáu tháng kết thúc cùng ngày nêu trên của Công ty đã được soát xét bởi một đơn vị kiểm toán khác, mà báo cáo soát xét ngày 27 tháng 7 năm 2012 của đơn vị kiểm toán này đã đưa ra kết luận chấp nhận toàn phần. Một số khoản mục trên các báo cáo tài chính giữa niên độ này đã được điều chỉnh hồi tố như trình bày trong Thuyết minh 26 của các báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về các báo cáo tài chính giữa niên độ này căn cứ vào việc soát xét của chúng tôi.

Phạm vi soát xét

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét theo Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam số 910 – “*Công tác soát xét báo cáo tài chính*”. Chuẩn mực này yêu cầu công tác soát xét phải được lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo vừa phải rằng báo cáo tài chính giữa niên độ không chứa đựng những sai sót trọng yếu. Công tác soát xét bao gồm chủ yếu là việc trao đổi với nhân sự của Công ty và áp dụng các thủ tục phân tích trên những thông tin tài chính; công tác này cung cấp một mức độ đảm bảo thấp hơn công tác kiểm toán. Chúng tôi không thực hiện công việc kiểm toán nên không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Kết luận

Trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi, xét trên các khía cạnh trọng yếu, chúng tôi không thấy có vấn đề nào để chúng tôi cho rằng các báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo đây của Công ty là không được soạn lập phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan áp dụng cho các công ty chứng khoán hoạt động tại Việt Nam.

Các vấn đề cần nhấn mạnh

Mặc dù không đưa ra kết luận ngoại trừ, chúng tôi lưu ý người đọc các vấn đề sau:

- Như trình bày trong Thuyết minh 2.2 của các báo cáo tài chính giữa niên độ, tại ngày 30 tháng 6 năm 2013, số lỗ lũy kế của Công ty là 174.774.168.569 đồng, tương đương 70% vốn cổ phần của Công ty. Sự kiện này chứng tỏ sự hiện hữu của một tình trạng không chắc chắn, có tính trọng yếu, đưa đến điều rất hoài nghi về khả năng Công ty tiếp tục hoạt động trên cơ sở doanh nghiệp hoạt động liên tục.
- Như trình bày trong Thuyết minh 3 của các báo cáo tài chính, bao gồm trong khoản mục tiền và tương đương tiền tại ngày 30 tháng 6 năm 2013 là khoản tiền gửi tại một ngân hàng thương mại cổ phần số tiền là 228.815.757.400 đồng (trong đó bao gồm nợ gốc là 192.000.000.000 đồng và lãi phát sinh là 36.815.757.400 đồng) liên quan đến ba hợp đồng tiền gửi kỳ hạn đã đến hạn từ tháng 11 năm 2011. Công ty chưa được hoàn trả các khoản tiền này do ngân hàng thương mại cổ phần này đang trong quá trình tái cấu trúc và hiện đang được giám sát bởi Ngân hàng Nhà Nước Việt Nam. Vào ngày 24 tháng 5 năm 2013, ngân hàng thương mại cổ phần này đã gửi thư cho Công ty đề xuất một phương án hoàn trả theo tiến độ đến hết Quý 3 năm 2014 căn cứ theo đề án tái cấu trúc được Ngân hàng Nhà Nước Việt Nam phê duyệt. Tuy nhiên, tại ngày báo cáo này, Công ty và ngân hàng thương mại cổ phần này vẫn đang trao đổi về phương án hoàn trả các khoản tiền gửi trên cũng như mức lãi suất được áp dụng, Ban Tổng Giám đốc Công ty tin tưởng rằng các khoản tiền này sẽ được thu hồi toàn bộ và do vậy không lập dự phòng cho các khoản tiền gửi quá hạn này. Các khoản tiền này đã được loại trừ khỏi khoản mục tiền và tương đương tiền trên báo cáo lưu chuyển tiền tệ.



Ian S. Lydall **16 -08- 2013**
Số chứng chỉ KTV: N.0559/KTV
Chủ tịch

Công ty TNHH PricewaterhouseCoopers (Việt Nam)
TP. Hồ Chí Minh, nước CHXHCN Việt Nam
Báo cáo soát xét số HCM3790

Nguyễn Hoàng Nam
Số chứng chỉ KTV: 0849/KTV

Như đã nêu trong thuyết minh 2.1 của các báo cáo tài chính giữa niên độ, các báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo không nhằm mục đích phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán đã được thừa nhận ở các nước và các thể chế khác ngoài nước CHXHCN Việt Nam, và hơn nữa, cũng không dành cho những người sử dụng nào không biết các nguyên tắc, các thủ tục và các thông lệ kế toán Việt Nam.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN ĐẠI VIỆT
Mẫu số B 01a - CTCK
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	30.6.2013 VNĐ	31.12.2012 VNĐ
100	TÀI SẢN NGẮN HẠN		355.328.048.184	342.511.621.416
110	Tiền và các khoản tương đương tiền	3	285.377.129.961	261.135.671.193
111	Tiền		98.379.101.224	75.187.642.456
112	Các khoản tương đương tiền		186.998.028.737	185.948.028.737
120	Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	5(a)	40.685.775.051	1.100.297.600
121	Đầu tư ngắn hạn		41.131.544.158	2.319.503.607
129	Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn		(445.769.107)	(1.219.206.007)
130	Các khoản phải thu ngắn hạn		28.742.871.045	79.967.054.389
131	Phải thu khách hàng		60.600.000	54.000.000
132	Trả trước cho người bán		131.736.000	131.736.000
135	Phải thu hoạt động giao dịch chứng khoán	6	14.500.907.137	49.942.428.054
138	Các khoản phải thu khác	7	98.007.245.073	116.912.725.364
139	Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	8	(83.957.617.165)	(87.073.835.029)
150	Tài sản ngắn hạn khác		522.272.127	308.598.234
151	Chi phí trả trước ngắn hạn		374.979.200	230.424.000
158	Tài sản ngắn hạn khác		147.292.927	78.174.234
200	TÀI SẢN DÀI HẠN		154.137.478.582	157.086.140.972
220	Tài sản cố định		14.409.460.529	15.727.883.784
221	Tài sản cố định hữu hình	9(a)	6.336.589.582	7.627.498.039
222	Nguyên giá		19.462.874.157	20.136.367.832
223	Giá trị hao mòn lũy kế		(13.126.284.575)	(12.508.869.793)
227	Tài sản cố định vô hình	9(b)	6.005.750.947	6.722.305.745
228	Nguyên giá		10.941.280.046	11.022.524.966
229	Giá trị hao mòn lũy kế		(4.935.529.099)	(4.300.219.221)
230	Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	9(c)	2.067.120.000	1.378.080.000
250	Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	5(b)	133.746.366.736	134.865.800.312
253	Đầu tư chứng khoán dài hạn		27.690.725.999	36.044.032.157
254	Chứng khoán sẵn sàng để bán		27.690.725.999	36.044.032.157
258	Đầu tư dài hạn khác		121.113.962.800	121.113.962.800
259	Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn		(15.058.322.063)	(22.292.194.645)
260	Tài sản dài hạn khác		5.981.651.317	6.492.456.876
261	Chi phí trả trước dài hạn		936.389.224	1.006.761.719
263	Tiền nộp Quỹ hỗ trợ thanh toán	11	4.253.912.533	4.244.303.522
268	Tài sản dài hạn khác		791.349.560	1.241.391.635
270	TỔNG TÀI SẢN		509.465.526.766	499.597.762.388

Các thuyết minh từ trang 11 đến trang 34 là một phần cấu thành các báo cáo tài chính giữa niên độ này.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN ĐẠI VIỆT

Mẫu số B 01a - CTCK

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ
(tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	30.6.2013 VNĐ	31.12.2012 VNĐ
300	NỢ PHẢI TRẢ		288.244.441.335	282.790.061.540
310	Nợ ngắn hạn		288.244.441.335	282.790.061.540
312	Phải trả người bán		18.850.000	664.241.260
314	Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	12	215.296.524	58.674.221
316	Chi phí phải trả		674.025.053	165.306.073
319	Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	13	230.761.194.137	227.636.342.417
320	Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán	14	56.570.822.036	54.264.308.304
321	Phải trả hộ cổ tức, gốc và lãi trái phiếu		3.064.320	-
323	Quỹ khen thưởng, phúc lợi		1.189.265	1.189.265
400	VỐN CHỦ SỞ HỮU		221.221.085.431	216.807.700.848
410	Vốn chủ sở hữu		221.221.085.431	216.807.700.848
411	Vốn góp của chủ sở hữu	15	250.000.000.000	250.000.000.000
412	Thặng dư vốn cổ phần		138.575.000.000	138.575.000.000
417	Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ		4.047.627.000	4.047.627.000
418	Quỹ dự phòng tài chính		3.372.627.000	3.372.627.000
420	Lỗi lũy kế		(174.774.168.569)	(179.187.553.152)
440	TỔNG NGUỒN VỐN		509.465.526.766	499.597.762.388

Các thuyết minh từ trang 11 đến trang 34 là một phần cấu thành các báo cáo tài chính giữa niên độ này.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN ĐẠI VIỆT

Mẫu số B 01a - CTCK

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ

Chỉ tiêu	Mã số	Mệnh giá tại ngày	
		30.6.2013 VNĐ	31.12.2012 VNĐ
2. Vật tư, chứng chỉ có giá nhận giữ hộ		-	30.233.146.506
6. Chứng khoán lưu ký	006	330.735.700.000	417.972.400.000
Trong đó:			
6.1. Chứng khoán giao dịch	007	316.673.850.000	394.002.700.000
6.1.1. Chứng khoán giao dịch của thành viên lưu ký	008	5.137.460.000	6.433.410.000
6.1.2. Chứng khoán giao dịch của khách hàng trong nước	009	303.268.160.000	378.945.260.000
6.1.3. Chứng khoán giao dịch của khách hàng nước ngoài	010	8.268.230.000	8.624.030.000
6.2. Chứng khoán tạm ngừng giao dịch	012	582.740.000	554.940.000
6.2.2. Chứng khoán tạm ngừng giao dịch của khách hàng trong nước	014	582.740.000	554.940.000
6.5. Chứng khoán chờ thanh toán	027	12.129.000.000	22.906.000.000
6.5.1. Chứng khoán chờ thanh toán của thành viên lưu ký	028	200.000.000	-
6.5.2. Chứng khoán chờ thanh toán của khách hàng trong nước	029	11.929.000.000	22.906.000.000
6.7. Chứng khoán chờ giao dịch	037	1.350.110.000	508.760.000
6.7.2. Chứng khoán chờ giao dịch của khách hàng trong nước	040	1.349.550.000	508.760.000
6.7.3. Chứng khoán chờ giao dịch của khách hàng nước ngoài	041	560.000	-
7. Chứng khoán lưu ký công ty đại chúng chưa niêm yết	050	90.378.390.000	68.600.860.000
Trong đó:			
7.1. Chứng khoán giao dịch	051	90.363.890.000	68.587.360.000
7.1.1. Chứng khoán giao dịch của thành viên lưu ký	052	21.310.770.000	21.310.750.000
7.1.2. Chứng khoán giao dịch của khách hàng trong nước	053	69.040.120.000	47.270.610.000
7.1.3. Chứng khoán giao dịch của khách hàng nước ngoài	054	13.000.000	6.000.000
7.2. Chứng khoán tạm ngừng giao dịch	056	13.500.000	13.500.000
7.2.2. Chứng khoán tạm ngừng giao dịch của khách hàng trong nước	058	13.500.000	13.500.000
7.5. Chứng khoán chờ thanh toán	071	1.000.000	-
7.5.2. Chứng khoán chờ thanh toán của khách hàng trong nước	073	1.000.000	-
9. Chứng khoán chưa lưu ký của công ty chứng khoán	083	19.834.990.000	19.835.085.000



Trần Thị Rồng
Kế toán trưởng

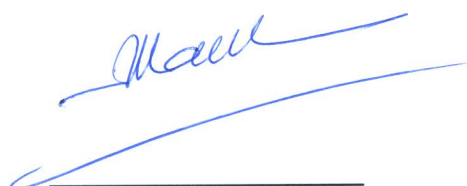


Hoàng Thị Tâm
Tổng Giám đốc
Ngày 16 tháng 8 năm 2013

Các thuyết minh từ trang 11 đến trang 34 là một phần cấu thành các báo cáo tài chính giữa niên độ này.

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ

Mã số	Thuyết minh	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm	
		2013 VNĐ	2012 VNĐ (Trình bày lại)
01	Doanh thu	12.179.595.499	10.384.140.725
	<i>Trong đó:</i>		
01.1	Doanh thu hoạt động môi giới chứng khoán	3.710.012.752	3.471.279.762
01.2	Doanh thu hoạt động đầu tư chứng khoán, góp vốn	17 1.347.267.225	1.431.076.099
01.7	Doanh thu hoạt động ủy thác	18.181.818	-
01.9	Doanh thu khác	18 7.104.133.704	5.481.784.864
02	Các khoản giảm trừ doanh thu	(172.623.766)	(13.820.537)
10	Doanh thu thuần về hoạt động kinh doanh	12.006.971.733	10.370.320.188
11	Chi phí hoạt động kinh doanh	19 (5.376.869.489)	(5.686.447.686)
20	Lợi nhuận gộp của hoạt động kinh doanh	6.630.102.244	4.683.872.502
25	Chi phí quản lý doanh nghiệp	20 (2.160.705.775)	(3.363.950.675)
30	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	4.469.396.469	1.319.921.827
31	Thu nhập khác	3.988.247	140.421
32	Chi phí khác	(60.000.133)	-
40	(Chi phí khác)/ Thu nhập khác – số thuần	(56.011.886)	140.421
50	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	4.413.384.583	1.320.062.248
51	Chi phí thuế TNDN hiện hành	21 -	-
52	Chi phí thuế TNDN hoãn lại	10 -	-
60	Lợi nhuận sau thuế TNDN	4.413.384.583	1.320.062.248
70	Lãi cơ bản trên cổ phiếu	16 177	53



Trần Thị Ròng
Kế toán trưởng



Hoàng Thị Tâm
Tổng Giám đốc
Ngày 16 tháng 8 năm 2013

Các thuyết minh từ trang 11 đến trang 34 là một phần cấu thành các báo cáo tài chính giữa niên độ này.

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ
(Theo phương pháp gián tiếp)

		Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm	
Mã số	Thuyết minh	2013 VNĐ	2012 VNĐ (Trình bày lại)
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	Lợi nhuận trước thuế	4.413.384.583	1.320.062.248
	Điều chỉnh cho các khoản:		
02	Khấu hao tài sản cố định	1.947.354.700	1.951.485.119
03	Hoàn nhập các khoản dự phòng	(11.123.527.346)	(34.571.289.225)
05	Lỗ/(lãi) từ hoạt động đầu tư	2.681.337.142	(4.355.677.360)
06	Chi phí lãi vay	109.614.782	-
08	Lỗ từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	(1.971.836.139)	(35.655.419.218)
09	Giảm/(tăng) các khoản phải thu	15.528.360.657	(29.946.161.666)
11	Tăng các khoản phải trả	3.930.093.708	48.694.564.441
12	(Tăng)/giảm các chi phí trả trước	(74.182.705)	146.774.128
13	Tiền lãi vay đã trả	(109.614.782)	-
15	Thu khác từ hoạt động kinh doanh	450.042.075	-
16	Chi khác từ hoạt động kinh doanh	(78.727.704)	(761.570.300)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	17.674.135.110	(17.521.812.615)
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
	Chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	(899.789.000)	-
21	Thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	2.694.995.665	26.781.609.000
27	Thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	3.247.830.906	3.015.931.360
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	5.043.037.571	29.797.540.360
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
33	Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	17.620.495.550	-
34	Tiền chi trả nợ gốc vay	(17.620.495.550)	-
	Lưu chuyển thuần từ hoạt động tài chính	-	-
50	Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	22.717.172.681	12.275.727.745
60	Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	3 33.844.199.880	10.024.176.679
70	Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	3 56.561.372.561	22.299.904.424


Trần Thị Rõng
Kế toán trưởng




Hoàng Thị Tâm
Tổng Giám đốc
Ngày 16 tháng 8 năm 2013

Các thuyết minh từ trang 11 đến trang 34 là một phần cấu thành các báo cáo tài chính giữa niên độ này.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN ĐẠI VIỆT

Mẫu số B 05a - CTCK

BÁO CÁO TÌNH HÌNH BIẾN ĐỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU GIỮA NIÊN ĐỘ

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu VNĐ	Thặng dư vốn cổ phần VNĐ	Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ VNĐ	Quỹ dự phòng tài chính VNĐ	Lỗ lũy kế VNĐ	Tổng cộng VNĐ
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2012	250.000.000.000	138.575.000.000	4.047.627.000	3.372.627.000	(182.570.958.124)	213.424.295.876
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	-	3.383.404.972	3.383.404.972
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012	250.000.000.000	138.575.000.000	4.047.627.000	3.372.627.000	(179.187.553.152)	216.807.700.848
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	-	-	4.413.384.583	4.413.384.583
Tại ngày 30 tháng 6 năm 2013	250.000.000.000	138.575.000.000	4.047.627.000	3.372.627.000	(174.774.168.569)	221.221.085.431

Theo Thông tư 11/2000/TT-BTC ban hành ngày 1 tháng 2 năm 2000, Công ty phải trích lập các quỹ sau:

- Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ: trích 5% lợi nhuận sau thuế TNDN của Công ty mỗi năm cho đến khi quỹ này đạt 10% vốn điều lệ của Công ty.
- Quỹ dự phòng tài chính: trích 5% lợi nhuận sau thuế TNDN của Công ty mỗi năm cho đến khi quỹ này đạt 10% vốn điều lệ của Công ty.

Trong kỳ, Công ty chưa trích lập các quỹ vì việc trích lập các quỹ được thực hiện vào thời điểm cuối năm tài chính.



Trần Thị Rồng
Kế toán trưởng



Hoàng Thị Tâm
Tổng Giám đốc
Ngày 16 tháng 8 năm 2013

Các thuyết minh từ trang 11 đến trang 34 là một phần cấu thành các báo cáo tài chính giữa niên độ này.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ
CHO GIAI ĐOẠN SÁU THÁNG KẾT THÚC NGÀY 30 THÁNG 6 NĂM 2013**

1 ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

Công ty Cổ phần Chứng khoán Đại Việt (“Công ty”) được thành lập tại nước CHXHCN Việt Nam theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4103004900, ngày 16 tháng 6 năm 2006 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp. Giấy hoạt động kinh doanh chứng khoán đầu tiên của Công ty số 15/UBCK-GPHĐCK do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 28 tháng 6 năm 2006. Giấy phép hoạt động mới nhất của Công ty số 49/UBCK-GP do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 24 tháng 8 năm 2011.

Hoạt động chính của Công ty là môi giới chứng khoán, quản lý danh mục đầu tư chứng khoán, tư vấn tài chính và đầu tư chứng khoán, lưu ký chứng khoán.

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2013, Công ty có 54 nhân viên (2012: 57 nhân viên).

2 CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

2.1 Cơ sở của việc soạn lập các báo cáo tài chính giữa niên độ

Các báo cáo tài chính giữa niên độ đã được soạn lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan áp dụng cho công ty chứng khoán hoạt động tại nước CHXHCN Việt Nam. Báo cáo tài chính giữa niên độ được soạn lập theo nguyên tắc giá gốc.

Các báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo không nhằm mục đích trình bày tình hình tài chính, kết quả kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán thường được chấp nhận ở các nước và các thể chế khác ngoài nước CHXHCN Việt Nam. Các nguyên tắc và thông lệ kế toán sử dụng tại nước CHXHCN Việt Nam có thể khác với các nguyên tắc và thông lệ kế toán tại các nước và các thể chế khác.

2.2 Nguyên tắc doanh nghiệp hoạt động liên tục

Báo cáo tài chính giữa niên độ đã được lập dựa trên cơ sở hoạt động liên tục mặc dù Công ty đã phát sinh lỗ lũy kế là 174.774.168.569 đồng tại thời điểm 30 tháng 6 năm 2013. Khả năng hoạt động liên tục của Công ty phụ thuộc vào việc đạt được lợi nhuận và khả năng tạo ra dòng tiền trong tương lai. Ngoài ra, một cổ đông chính của Công ty là một tổ chức tín dụng, đã xác nhận bằng văn bản trong thư cam kết hỗ trợ rằng cổ đông này sẽ tiếp tục hỗ trợ tài chính cho Công ty để Công ty có đủ khả năng thanh toán công nợ khi đến hạn và tiếp tục hoạt động trên cơ sở hoạt động liên tục.

2.3 Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12.

Các báo cáo tài chính giữa niên độ này được lập cho giai đoạn từ ngày 1 tháng 1 năm 2013 đến ngày 30 tháng 6 năm 2013.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ
CHO GIAI ĐOẠN SÁU THÁNG KẾT THÚC NGÀY 30 THÁNG 6 NĂM 2013**

2 CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG (tiếp theo)

2.4 Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị sử dụng trong kế toán là tiền đồng Việt Nam và được trình bày trên báo cáo tài chính theo đồng Việt Nam.

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được quy đổi theo tỷ giá áp dụng tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ các nghiệp vụ này được ghi nhận là thu nhập hoặc chi phí trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Tài sản và nợ phải trả bằng tiền có gốc ngoại tệ tại ngày của bảng cân đối kế toán được quy đổi theo tỷ giá áp dụng tại ngày bảng cân đối kế toán. Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ việc quy đổi này được ghi nhận là thu nhập hoặc chi phí trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

2.5 Hệ thống và hình thức sổ kế toán áp dụng

Công ty sử dụng hình thức nhật ký chung để ghi sổ các nghiệp vụ kinh tế phát sinh.

2.6 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển, tiền gửi không kỳ hạn và các khoản đầu tư ngắn hạn khác có thời hạn đáo hạn ban đầu không quá ba tháng.

2.7 Khoản phải thu khách hàng

Các khoản phải thu khách hàng được thể hiện theo giá trị ghi trên hóa đơn gốc trừ dự phòng các khoản phải thu khó đòi được ước tính dựa trên việc rà soát của Ban Tổng Giám đốc đối với tất cả các khoản còn chưa thu tại thời điểm cuối kỳ.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được ước tính dựa vào giá trị có thể thu hồi của các khoản phải thu tại ngày lập báo cáo tài chính.

2.8 Các khoản đầu tư tài chính

(a) Phân loại

Công ty phân loại các khoản đầu tư thành hai nhóm: đầu tư ngắn hạn và đầu tư dài hạn. Đầu tư ngắn hạn bao gồm chứng khoán kinh doanh và hợp đồng hợp tác đầu tư trong thời hạn không quá 12 tháng. Đầu tư dài hạn bao gồm chứng khoán sẵn sàng để bán và đầu tư dài hạn khác.

Chứng khoán kinh doanh là chứng khoán niêm yết với mục đích kinh doanh.

Hợp đồng hợp tác đầu tư là các khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết thông qua tài khoản của đối tác cũng với mục đích kinh doanh chứng khoán.

Chứng khoán sẵn sàng để bán là các chứng khoán được giữ trong thời gian không ấn định trước, có thể được bán để đáp ứng nhu cầu thanh khoản hoặc để ứng phó với trường hợp thay đổi lãi suất, tỉ giá, hoặc giá trị chứng khoán.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ
CHO GIAI ĐOẠN SÁU THÁNG KẾT THÚC NGÀY 30 THÁNG 6 NĂM 2013**

2 CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG (tiếp theo)

2.8 Các khoản đầu tư tài chính (tiếp theo)

(a) Phân loại (tiếp theo)

Các khoản đầu tư dài hạn khác là các khoản đầu tư vốn dưới 20% quyền biểu quyết vào các công ty chưa niêm yết được Công ty nắm giữ mà không có ý định bán đi trong vòng 12 tháng kể từ ngày lập bảng cân đối kế toán.

(b) Ghi nhận/chấm dứt ghi nhận

Việc mua và bán các khoản đầu tư được ghi nhận theo ngày thực hiện giao dịch - là tại ngày Công ty ký kết hợp đồng mua hoặc bán khoản đầu tư đó. Các khoản đầu tư được chấm dứt ghi nhận khi quyền nhận dòng tiền từ các khoản đầu tư đã hết hạn hoặc về bản chất Công ty đã chuyển giao toàn bộ rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu các khoản đầu tư đó.

(c) Đánh giá

Chứng khoán kinh doanh đã niêm yết được phản ánh theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá chứng khoán bằng cách tham khảo giá đóng cửa của ngày giao dịch cuối cùng tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh và giá bình quân của ngày giao dịch cuối cùng tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội.

Hợp đồng hợp tác kinh doanh ngắn hạn được ghi nhận theo giá gốc trừ các khoản dự phòng nếu có. Khoản dự phòng được trích lập khi có dấu hiệu suy giảm khả năng thu hồi của các khoản đầu tư.

Dự phòng được lập cho các chứng khoán sẵn sàng để bán được tự do mua bán trên thị trường và khi có sự suy giảm giá trị của các chứng khoán sẵn sàng để bán này. Phương pháp xác định dự phòng giảm giá cho chứng khoán sẵn sàng để bán tương tự như chứng khoán kinh doanh.

Đầu tư dài hạn khác được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán. Dự phòng được lập cho các khoản đầu tư dài hạn khác khi các tổ chức kinh tế mà Công ty đang đầu tư bị lỗ trừ trường hợp các công ty bị lỗ theo kế hoạch đã được xác định trong phương án kinh doanh trước khi đầu tư.

2.9 Tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình và tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định được phản ánh theo nguyên giá trừ khấu hao lũy kế. Nguyên giá bao gồm các chi phí liên quan trực tiếp đến việc có được tài sản cố định.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ
CHO GIAI ĐOẠN SÁU THÁNG KẾT THÚC NGÀY 30 THÁNG 6 NĂM 2013**

2 CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG (tiếp theo)

2.9 Tài sản cố định (tiếp theo)

Khấu hao

Tài sản cố định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng để giảm dần nguyên giá tài sản trong suốt thời gian hữu dụng ước tính như sau:

Phương tiện vận tải	8 năm
Máy móc, thiết bị quản lý	8 năm
Tài sản cố định khác	8 năm
Bản quyền	8 năm
Phần mềm vi tính	8 năm

Thanh lý

Lãi và lỗ phát sinh do thanh lý nhượng bán tài sản cố định được xác định bằng số chênh lệch giữa số tiền thu thuần do thanh lý với giá trị còn lại của tài sản và được ghi nhận là thu nhập hoặc chi phí trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

2.10 Thuê tài sản cố định

Thuê hoạt động là loại hình thuê tài sản cố định mà phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu của tài sản thuộc về bên cho thuê. Khoản thanh toán dưới hình thức thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn thuê hoạt động.

2.11 Ghi nhận doanh thu

(i) Doanh thu hoạt động môi giới chứng khoán

Doanh thu hoạt động môi giới chứng khoán dựa trên mức phí quy định của Công ty nhưng không vượt mức quy định của Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam và được ghi nhận theo phương pháp trích trước.

(ii) Doanh thu từ hoạt động tự doanh và góp vốn

Doanh thu từ hoạt động tự doanh và góp vốn bao gồm thu nhập từ hoạt động tự doanh và cổ tức. Thu nhập từ hoạt động tự doanh là khoản chênh lệch giữa giá bán và giá vốn của chứng khoán bán ra. Thu nhập cổ tức được ghi nhận trong báo cáo kết quả kinh doanh khi quyền nhận cổ tức được xác lập.

(iii) Doanh thu khác

Doanh thu khác bao gồm thu nhập lãi tiền gửi ngân hàng, tiền lãi thu được từ các hoạt động tạm ứng vốn cho nhà đầu tư, hoạt động giao dịch ký quỹ, cho khách hàng vay mua chứng khoán và doanh thu hợp đồng hợp tác đầu tư. Các khoản doanh thu này được ghi nhận theo phương pháp trích trước.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ
CHO GIAI ĐOẠN SÁU THÁNG KẾT THÚC NGÀY 30 THÁNG 6 NĂM 2013****2 CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG (tiếp theo)****2.12 Thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại**

Thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm toàn bộ số thuế thu nhập tính trên thu nhập chịu thuế thu nhập doanh nghiệp, kể cả các khoản thu nhập nhận được từ hoạt động sản xuất, kinh doanh hàng hóa dịch vụ tại nước ngoài mà Việt Nam chưa ký hiệp định về tránh đánh thuế hai lần. Chi phí thuế thu nhập bao gồm chi phí thuế thu nhập hiện hành và chi phí thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành là số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp hoặc thu hồi được tính trên thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp của năm hiện hành. Thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận là thu nhập hay chi phí khi xác định lợi nhuận hoặc lỗ của kỳ phát sinh, ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh từ một giao dịch hoặc sự kiện được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu trong cùng kỳ hay một kỳ khác.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính đầy đủ, sử dụng phương thức công nợ, tính trên các khoản chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả trên báo cáo tài chính và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục này. Thuế thu nhập hoãn lại không được ghi nhận khi nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả của một giao dịch mà giao dịch này không phải là giao dịch sáp nhập doanh nghiệp, không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận/lỗ tính thuế thu nhập tại thời điểm phát sinh giao dịch. Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo thuế suất dự tính được áp dụng trong niên độ mà tài sản được thu hồi hoặc khoản nợ phải trả được thanh toán dựa trên thuế suất đã ban hành hoặc xem như có hiệu lực tại ngày của bảng cân đối kế toán. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận khi có khả năng sẽ có lợi nhuận tính thuế trong tương lai để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ.

2.13 Các bên liên quan

Các doanh nghiệp, các cá nhân, trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết là các bên liên quan. Các bên liên kết, các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt bao gồm giám đốc, viên chức của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này hoặc các bên liên kết này hoặc những công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là bên liên quan.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan, cần chú ý tới bản chất của mối quan hệ chứ không chỉ hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ
CHO GIAI ĐOẠN SÁU THÁNG KẾT THÚC NGÀY 30 THÁNG 6 NĂM 2013**

2 CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG (tiếp theo)

2.14 Các khoản dự phòng

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi: Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại, pháp lý hoặc liên đới, phát sinh từ các sự kiện đã xảy ra; sự giảm sút những lợi ích kinh tế có thể xảy ra dẫn đến việc yêu cầu phải thanh toán nghĩa vụ nợ; và giá trị của nghĩa vụ nợ đó được ước tính một cách đáng tin cậy. Dự phòng không được ghi nhận cho các khoản lỗ hoạt động trong tương lai.

Dự phòng được tính trên cơ sở các khoản chi phí dự tính phải thanh toán nghĩa vụ nợ. Nếu ảnh hưởng về giá trị thời gian của tiền là trọng yếu thì dự phòng được tính trên cơ sở giá trị hiện tại với tỷ lệ chiết khấu trước thuế và phản ánh những đánh giá trên thị trường hiện tại về giá trị thời gian của tiền và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó. Giá trị tăng lên do ảnh hưởng của yếu tố thời gian được ghi nhận là chi phí đi vay.

2.15 Vốn cổ phần

Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành được phân loại là vốn chủ sở hữu. Các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành cổ phiếu phổ thông hoặc quyền chọn được ghi nhận là một khoản giảm trừ vốn chủ sở hữu.

3 TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	30.6.2013 VNĐ	31.12.2012 VNĐ
Tiền mặt	52.409.819	32.150.545
Tiền gửi ngân hàng	98.326.691.405	75.155.491.911
Các khoản tương đương tiền	186.998.028.737	185.948.028.737
	<u>285.377.129.961</u>	<u>261.135.671.193</u>
Trong đó:		
<i>Tiền gửi của Công ty chứng khoán</i>	36.221.809.205	14.871.362.889
<i>Tiền của nhà đầu tư</i>	242.682.375.537	244.066.750.903
<i>Tiền gửi thanh toán bù trừ của nhà đầu tư</i>	6.472.945.219	2.197.557.401
	<u>285.377.129.961</u>	<u>261.135.671.193</u>
Trừ tiền gửi tại ngân hàng thương mại chưa thể thu hồi (*)	(228.815.757.400)	(227.291.471.313)
Tiền và tương đương tiền trên báo cáo lưu chuyển tiền tệ	<u>56.561.372.561</u>	<u>33.844.199.880</u>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ
CHO GIAI ĐOẠN SÁU THÁNG KẾT THÚC NGÀY 30 THÁNG 6 NĂM 2013**

3 TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN (tiếp theo)

- (*) Đây là khoản tiền được một nhà đầu tư là một cổ đông lớn của Công ty ủy thác cho Công ty sử dụng theo hợp đồng ký giữa hai bên ngày 1 tháng 8 năm 2011 (Thuyết minh 13 và 23(b)). Theo đó, Công ty đã gửi số tiền này vào tài khoản tiền gửi kỳ hạn mở tại một ngân hàng thương mại cổ phần với thời hạn gốc không quá ba tháng và hưởng lãi suất 14% một năm theo ba hợp đồng gửi tiền có kỳ hạn. Các hợp đồng tiền gửi kỳ hạn này đã quá hạn từ tháng 11 năm 2011. Tại ngày lập báo cáo tài chính giữa niên độ này, ngân hàng thương mại cổ phần này chưa thanh toán khoản tiền là 228.815.757.400 đồng (trong đó bao gồm nợ gốc là 192.000.000.000 đồng và lãi phát sinh là 36.815.757.400 đồng) từ ba hợp đồng tiền gửi trên do việc ngân hàng này đang trong quá trình tái cấu trúc và hiện đang được giám sát bởi Ngân hàng Nhà nước Việt Nam. Vào ngày 24 tháng 5 năm 2013, ngân hàng thương mại cổ phần này đã gửi thư cho Công ty đề xuất một phương án hoàn trả theo tiến độ đến hết Quý 3 năm 2014 căn cứ theo đề án tái cấu trúc được Ngân hàng Nhà nước Việt Nam phê duyệt. Tuy nhiên, tại ngày báo cáo giữa niên độ này, Công ty và ngân hàng này vẫn đang trao đổi về phương án hoàn trả các khoản tiền gửi trên cũng như mức lãi suất áp dụng, Ban Tổng Giám đốc Công ty tin rằng các khoản tiền này sẽ được thu hồi toàn bộ và do đó việc trích lập dự phòng cho khoản tiền này là không cần thiết.

4 GIÁ TRỊ KHỐI LƯỢNG GIAO DỊCH THỰC HIỆN TRONG KỲ

	Khối lượng giao dịch thực hiện trong kỳ	Giá trị khối lượng giao dịch thực hiện trong kỳ VNĐ
a) Của Công ty		
Cổ phiếu niêm yết	1.051.470,0	21.224.890.000
Chứng chỉ quỹ	9,5	766.928.950
b) Của nhà đầu tư		
Cổ phiếu	207.606.519,0	2.235.522.907.601
Chứng chỉ quỹ	374,5	30.233.146.506
	<u>208.658.373,0</u>	<u>2.287.747.873.057</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN ĐẠI VIỆT

Mẫu số B 09a - CTCK

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ
CHO GIAI ĐOẠN SÁU THÁNG KẾT THÚC NGÀY 30 THÁNG 6 NĂM 2013**

5 CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

Tại ngày 30.6.2013	Giá trị theo sổ sách kế toán VNĐ	So với giá thị trường		Giá thị trường VNĐ	Dự phòng VNĐ
		Tăng VNĐ	Giảm VNĐ		
(a) Đầu tư ngắn hạn	41.131.544.158	49.631.000	(445.769.107)	40.735.406.051	(445.769.107)
- Cổ phiếu niêm yết (*)	3.269.243.607	49.631.000	(445.769.107)	2.873.105.500	(445.769.107)
- Hợp đồng hợp tác đầu tư ngắn hạn (**)	37.862.300.551	-	-	37.862.300.551	-
(b) Đầu tư dài hạn	148.804.688.799	28.576.960	(15.058.322.063)	133.774.943.696	(15.058.322.063)
- Chứng khoán sẵn sàng để bán – cổ phiếu niêm yết (*)	27.690.725.999	28.576.960	(14.914.100.851)	12.805.202.108	(14.914.100.851)
- Đầu tư dài hạn khác	121.113.962.800	-	(144.221.212)	120.969.741.588	(144.221.212)
	189.936.232.957	78.207.960	(15.504.091.170)	174.510.349.747	(15.504.091.170)
Tại ngày 31.12.2012					
	Giá trị theo sổ sách kế toán VNĐ	So với giá thị trường		Giá thị trường VNĐ	Dự phòng VNĐ
		Tăng VNĐ	Giảm VNĐ		
(a) Đầu tư ngắn hạn	2.319.503.607	-	(1.219.206.007)	1.100.297.600	(1.219.206.007)
- Cổ phiếu niêm yết (*)	2.319.503.607	-	(1.219.206.007)	1.100.297.600	(1.219.206.007)
(b) Đầu tư dài hạn	157.157.994.957	451.888	(22.292.194.645)	134.866.252.200	(22.292.194.645)
- Chứng khoán sẵn sàng để bán – cổ phiếu niêm yết (*)	36.044.032.157	451.888	(22.292.194.645)	13.752.289.400	(22.292.194.645)
- Đầu tư dài hạn khác	121.113.962.800	-	-	121.113.962.800	-
	159.477.498.564	451.888	(23.511.400.652)	135.966.549.800	(23.511.400.652)

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ
CHO GIAI ĐOẠN SÁU THÁNG KẾT THÚC NGÀY 30 THÁNG 6 NĂM 2013**

5 CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH (tiếp theo)

- (*) Giá trị thị trường của cổ phiếu niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội được tính dựa vào giá bình quân của ngày giao dịch cuối cùng của kỳ báo cáo tại Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội.

Giá trị thị trường của cổ phiếu niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh được tính dựa vào giá đóng cửa của ngày giao dịch cuối cùng của kỳ báo cáo tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh.

- (**) Đây là khoản đầu tư theo Hợp đồng hợp tác đầu tư ký giữa Công ty và Công ty Cổ phần Đầu tư Tài chính Thăng Long vào ngày 2 tháng 1 năm 2013 nhằm mục đích cung cấp dụng dịch vụ giao dịch ký quỹ cho các khách hàng có tài khoản giao dịch chứng khoán tại Công ty. Theo đó, Công ty có quyền kiểm soát toàn bộ tài sản đảm bảo của các khách hàng này.

6 PHẢI THU HOẠT ĐỘNG GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN

	30.6.2013 VNĐ	31.12.2012 VNĐ
Phải thu từ hoạt động giao dịch ký quỹ	-	1.671.102.613
Phải thu từ hoạt động ứng trước tiền bán	14.500.907.137	15.993.498.122
Phải thu từ hoạt động ứng trước tiền mua	-	32.277.827.319
	<u>14.500.907.137</u>	<u>49.942.428.054</u>

Phải thu giao dịch hoạt động chứng khoán thể hiện khoản phải thu nhà đầu tư liên quan đến các hoạt động hỗ trợ kinh doanh chứng khoán với nhà đầu tư.

7 CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÁC

	30.6.2013 VNĐ	31.12.2012 VNĐ
Phân loại lại từ các khoản phải thu hoạt động giao dịch chứng khoán (*)	97.128.532.286	116.344.124.145
Phải thu khác	878.712.787	568.601.219
	<u>98.007.245.073</u>	<u>116.912.725.364</u>
Dự phòng nợ khó đòi (Xem Thuyết minh 8)	(83.957.617.165)	(87.073.835.029)
	<u>14.049.627.908</u>	<u>29.838.890.335</u>

- (*) Trong năm 2012, Ban Tổng Giám đốc Công ty đã phân loại lại khoản tiền 116.344.124.145 đồng do không đủ điều kiện ghi nhận trong phải thu từ các giao dịch chứng khoán thành khoản phải thu khác. Trong kỳ, Công ty đã thu hồi 19.215.591.859 đồng từ các khoản nợ phải thu này.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ
CHO GIAI ĐOẠN SÁU THÁNG KẾT THÚC NGÀY 30 THÁNG 6 NĂM 2013**

8 DỰ PHÒNG PHẢI THU NGẮN HẠN KHÓ ĐÒI

	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30.6.2013 VNĐ	Năm tài chính kết thúc ngày 31.12.2012 VNĐ
Số dư đầu kỳ/năm	87.073.835.029	92.265.695.598
Hoàn nhập dự phòng (Thuyết minh 20)	(3.116.217.864)	(5.191.860.569)
Số dư cuối kỳ/năm	83.957.617.165	87.073.835.029

Số hoàn nhập dự phòng trong kỳ được ước tính dựa vào giá trị tài sản đảm bảo của các nhà đầu tư.

9 TÀI SẢN CỐ ĐỊNH

(a) Tài sản cố định hữu hình

	Phương tiện vận tải VNĐ	Máy móc, thiết bị quản lý VNĐ	Tài sản cố định khác VNĐ	Tổng cộng VNĐ
Nguyên giá				
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2013	16.728.095.866	3.298.189.498	110.082.468	20.136.367.832
Mua mới trong kỳ	210.749.000	-	-	210.749.000
Điều chỉnh khác (*)	(313.887.960)	(544.354.715)	(26.000.000)	(884.242.675)
Tại ngày 30 tháng 6 năm 2013	16.624.956.906	2.753.834.783	84.082.468	19.462.874.157
Khấu hao lũy kế				
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2013	10.253.570.243	2.195.608.482	59.691.068	12.508.869.793
Khấu hao trong kỳ	1.052.707.581	198.859.149	6.880.158	1.258.446.888
Điều chỉnh khác (*)	(222.883.384)	(398.648.726)	(19.499.996)	(641.032.106)
Tại ngày 30 tháng 6 năm 2013	11.083.394.440	1.995.818.905	47.071.230	13.126.284.575
Giá trị còn lại				
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2013	6.474.525.623	1.102.581.016	50.391.400	7.627.498.039
Tại ngày 30 tháng 6 năm 2013	5.541.562.466	758.015.878	37.011.238	6.336.589.582

Nguyên giá tài sản cố định cuối kỳ đã khấu hao hết nhưng còn sử dụng là 69.471.600 đồng (2012: 116.443.214 đồng).

(*) Theo hướng dẫn của Thông tư 45/2013/TT-BTC ban hành bởi Bộ Tài Chính ngày 25 tháng 4 năm 2013, Công ty đã điều chỉnh giá trị còn lại các tài sản cố định có nguyên giá dưới 30 triệu đồng vào chi phí trong kỳ.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ
CHO GIAI ĐOẠN SÁU THÁNG KẾT THÚC NGÀY 30 THÁNG 6 NĂM 2013**

9 TÀI SẢN CỐ ĐỊNH (tiếp theo)

(b) Tài sản cố định vô hình

	Bản quyền VNĐ	Phần mềm máy vi tính VNĐ	Tổng cộng VNĐ
Nguyên giá			
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2013	573.439.092	10.449.085.874	11.022.524.966
Điều chỉnh khác (*)	(28.741.660)	(52.503.260)	(81.244.920)
Tại ngày 30 tháng 6 năm 2013	<u>544.697.432</u>	<u>10.396.582.614</u>	<u>10.941.280.046</u>
Hao mòn lũy kế			
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2013	370.758.303	3.929.460.918	4.300.219.221
Khấu hao trong kỳ	35.839.942	653.067.870	688.907.812
Điều chỉnh khác (*)	(17.554.233)	(36.043.701)	(53.597.934)
Tại ngày 30 tháng 6 năm 2013	<u>389.044.012</u>	<u>4.546.485.087</u>	<u>4.935.529.099</u>
Giá trị còn lại			
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2013	<u>202.680.789</u>	<u>6.519.624.956</u>	<u>6.722.305.745</u>
Tại ngày 30 tháng 6 năm 2013	<u><u>155.653.420</u></u>	<u><u>5.850.097.527</u></u>	<u><u>6.005.750.947</u></u>

(*) Theo hướng dẫn của Thông tư 45/2013/TT-BTC ban hành bởi Bộ Tài Chính ngày 25 tháng 4 năm 2013, Công ty đã điều chỉnh giá trị còn lại các tài sản cố định vô hình có nguyên giá dưới 30 triệu đồng vào chi phí trong kỳ.

(c) Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30.6.2013 VNĐ	Năm tài chính kết thúc ngày 31.12.2012 VNĐ
Số dư đầu kỳ/năm	1.378.080.000	-
Tăng trong kỳ/năm	689.040.000	1.378.080.000
Số dư cuối kỳ/năm	<u><u>2.067.120.000</u></u>	<u><u>1.378.080.000</u></u>

Đây là khoản chi phí thực hiện lắp đặt hệ thống giao dịch chứng khoán Flex được ghi nhận theo tiến độ thanh toán.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ
CHO GIAI ĐOẠN SÁU THÁNG KẾT THÚC NGÀY 30 THÁNG 6 NĂM 2013**

10 THUẾ THU NHẬP HOẢN LẠI

Các khoản lỗ có thể được bù trừ với lợi nhuận chịu thuế trong tương lai trong vòng năm năm liên tục kể từ năm tiếp sau năm phát sinh lỗ. Số lỗ thực tế được chuyển qua các năm sau cho mục đích thuế sẽ phụ thuộc vào việc kiểm tra và chấp thuận của cơ quan thuế và có thể chênh lệch so với số liệu được trình bày trong báo cáo tài chính. Các khoản lỗ ước tính có thể bù trừ vào lợi nhuận chịu thuế trong tương lai của Công ty như sau:

Lỗ thuế	Tình trạng kiểm tra của cơ quan thuế	Lỗ tính thuế có thể được chuyển qua các năm sau VNĐ
Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010	Chưa quyết toán	(2.888.287.234)
Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011	Chưa quyết toán	(7.179.871.420)
Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012	Chưa quyết toán	(2.628.430.456)

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại đối với khoản lỗ thuế trên không được ghi nhận vì khả năng Công ty có lợi nhuận chịu thuế trong tương lai để bù trừ với khoản lỗ này được đánh giá hiện nay là không chắc chắn.

11 TIỀN NỘP QUỸ HỖ TRỢ THANH TOÁN

Theo Quyết định 60/2004/QĐ-BTC ngày 15 tháng 7 năm 2004 và Quyết định 102/QĐ-VSD ngày 14 tháng 7 năm 2010 của Bộ Tài chính, Công ty phải ký quỹ với số tiền ban đầu là 120 triệu đồng tại Trung tâm Lưu ký Chứng khoán và đóng thêm 0,01% hàng năm dựa trên doanh số giao dịch môi giới chứng khoán niêm yết và chứng khoán đăng ký giao dịch tại các sở giao dịch trong năm trước nhưng không quá 2,5 tỷ đồng mỗi năm.

	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30.6.2013 VNĐ	Năm tài chính kết thúc ngày 31.12.2012 VNĐ
Số dư đầu kỳ/năm	4.244.303.522	3.500.170.930
Tiền nộp bổ sung	9.609.011	-
Tiền lãi	-	744.132.592
Số dư cuối kỳ/năm	4.253.912.533	4.244.303.522

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ
CHO GIAI ĐOẠN SÁU THÁNG KẾT THÚC NGÀY 30 THÁNG 6 NĂM 2013**

12 THUẾ VÀ CÁC KHOẢN KHÁC PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	30.6.2013 VNĐ	31.12.2012 VNĐ
Thuế GTGT dịch vụ cung cấp	1.200.000	1.700.000
Thuế thu nhập cá nhân	214.096.524	56.974.221
	<u>215.296.524</u>	<u>58.674.221</u>

13 CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỘP NGẮN HẠN KHÁC

	30.6.2013 VNĐ	31.12.2012 VNĐ
Phải trả một cổ đông lớn của Công ty (Thuyết minh số 3 và 23(b)) (*)	192.000.000.000	192.000.000.000
Lãi tiền gửi từ khoản tiền ủy thác của Cổ đông lớn (Thuyết minh số 23(b)) (*)	36.293.699.417	35.243.699.417
Cổ tức trả hộ phải trả lại cho tổ chức phát hành	2.142.599.220	-
Phải trả cổ tức cho cổ đông của Công ty	304.130.000	307.630.000
Bảo hiểm xã hội	20.715.500	803.000
Phải trả khác	50.000	84.210.000
	<u>230.761.194.137</u>	<u>227.636.342.417</u>

(*) Các khoản tiền này thể hiện số lãi quá hạn phải trả và tiền gốc quá hạn phải trả liên quan đến hợp đồng ủy thác được ký vào ngày 1 tháng 8 năm 2011 giữa Công ty và một tổ chức tín dụng là một cổ đông lớn của Công ty (Thuyết minh 3).

14 PHẢI TRẢ HOẠT ĐỘNG GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN

	30.6.2013 VNĐ	31.12.2012 VNĐ
Phải trả Sở giao dịch, Trung tâm lưu ký chứng khoán	133.412.951	88.652.732
Tiền gửi giao dịch chứng khoán chờ thanh toán	17.840.593.000	26.840.255.000
Tiền gửi trong tài khoản kinh doanh chứng khoán của nhà đầu tư	38.579.049.665	27.317.803.699
Tiền gửi trong tài khoản kinh doanh chứng khoán của cổ đông lớn (Thuyết minh 23(b))	17.766.420	17.596.873
	<u>56.570.822.036</u>	<u>54.264.308.304</u>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ
CHO GIAI ĐOẠN SÁU THÁNG KẾT THÚC NGÀY 30 THÁNG 6 NĂM 2013**

15 VỐN GÓP CỦA CHỦ SỞ HỮU

(a) Số lượng cổ phiếu

	30.6.2013 Cổ phiếu phổ thông	31.12.2012 Cổ phiếu phổ thông
Số lượng cổ phiếu đăng ký	25.000.000	25.000.000
Số lượng cổ phiếu đã phát hành	25.000.000	25.000.000
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	25.000.000	25.000.000

(b) Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

Theo giấy phép thành lập và hoạt động số 15/UBCK-GP ngày 28 tháng 6 năm 2006 và giấy phép điều chỉnh số 97/GPĐC-UBCK ngày 21 tháng 12 năm 2007 do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp, vốn điều lệ của Công ty là 250.000.00.000 đồng (hai trăm năm mươi tỷ đồng), tương đương 25.000.000 cổ phần, mỗi cổ phần mệnh giá là 10.000 đồng. Tại ngày 30 tháng 6 năm 2013, tình hình góp vốn điều lệ của Công ty như sau:

	30.6.2013 Cổ phiếu phổ thông	%	31.12.2012 Cổ phiếu phổ thông	%
Phần vốn tổ chức	8.339.150	33	8.339.150	33
Phần vốn của cá nhân	16.660.850	67	16.660.850	67
Số lượng cổ phiếu đã phát hành	25.000.000	100	25.000.000	100

16 LÃI TRÊN CỔ PHIẾU

Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng số lợi nhuận thuần phân bổ cho các cổ đông chia cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm:

	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm	
	2013	2012
Lợi nhuận thuần phân bổ cho các cổ đông (VNĐ)	4.413.384.583	1.320.062.248
Bình quân số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành (cổ phiếu)	25.000.000	25.000.000
Lãi cơ bản trên mỗi cổ phiếu (VNĐ)	177	53

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ
CHO GIAI ĐOẠN SÁU THÁNG KẾT THÚC NGÀY 30 THÁNG 6 NĂM 2013**

17 DOANH THU TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ CHỨNG KHOÁN, GÓP VỐN

	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm	
	2013 VNĐ	2012 VNĐ
Thu nhập cổ tức	1.309.750.940	1.431.076.099
Lãi từ mua bán chứng khoán dài hạn	37.516.285	-
	<u>1.347.267.225</u>	<u>1.431.076.099</u>

18 DOANH THU TỪ HOẠT ĐỘNG KHÁC

	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm	
	2013 VNĐ	2012 VNĐ (Trình bày lại)
Lãi tiền gửi ngân hàng	1.900.563.681	1.584.855.261
Lãi từ hoạt động ứng tiền cho nhà đầu tư	1.912.193.284	1.107.537.528
Doanh thu từ hoạt động giao dịch ký quỹ và cho khách hàng vay mua chứng khoán	2.080.493.229	2.480.635.628
Doanh thu từ hợp đồng hợp tác đầu tư	1.186.883.510	-
Doanh thu khác	24.000.000	308.756.447
	<u>7.104.133.704</u>	<u>5.481.784.864</u>

19 CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm	
	2013 VNĐ	2012 VNĐ (Trình bày lại)
Chi phí nhân viên	2.352.637.846	2.789.130.456
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.233.438.535	1.235.470.906
Chi phí môi giới chứng khoán cho nhà đầu tư	1.219.105.589	1.434.925.536
Chi phí thuê văn phòng	911.425.575	863.654.760
Chi phí lãi vay	109.614.782	-
Lỗ từ thanh lý chứng khoán dài hạn	5.658.310.493	29.807.963.342
Lỗ từ mua bán chứng khoán ngắn hạn	492.925.000	-
Hoàn nhập dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán	(8.007.309.482)	(31.147.709.342)
Chi phí khác	1.406.721.151	703.012.028
	<u>5.376.869.489</u>	<u>5.686.447.686</u>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ
CHO GIAI ĐOẠN SÁU THÁNG KẾT THÚC NGÀY 30 THÁNG 6 NĂM 2013**

20 CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm	
	2013 VNĐ	2012 VNĐ
Chi phí nhân viên quản lý	2.174.346.095	2.649.730.154
Chi phí khấu hao tài sản cố định	713.916.165	716.014.213
Hoàn nhập dự phòng nợ phải thu khó đòi (Thuyết minh 8)	(3.116.217.864)	(3.423.579.883)
Chi phí dịch vụ thuê ngoài	1.108.320.204	1.778.150.369
Chi phí thuê văn phòng	766.574.760	700.750.080
Chi phí bằng tiền khác	513.766.415	942.885.742
	<u>2.160.705.775</u>	<u>3.363.950.675</u>

21 THUẾ

Số thuế trên lợi nhuận trước thuế của Công ty khác với số thuế khi được tính theo thuế suất áp dụng được thể hiện như sau:

	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm	
	2013 VNĐ	2012 VNĐ (Trình bày lại)
Lợi nhuận kế toán trước thuế	4.413.384.583	1.320.062.248
Thuế tính ở thuế suất 25%	1.103.346.146	330.015.562
Điều chỉnh:		
Thu nhập không chịu thuế	(327.437.735)	(357.769.025)
Chi phí không được khấu trừ	(599.793.947)	(783.743.041)
Lỗ tính thuế mà không ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại	-	811.496.504
Sử dụng lỗ tính thuế của các năm trước	(176.114.464)	-
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp	<u>-</u>	<u>-</u>

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp cho giai đoạn này được ước tính dựa vào thu nhập chịu thuế và có thể có những điều chỉnh tùy thuộc vào sự kiểm tra của cơ quan thuế.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ
CHO GIAI ĐOẠN SÁU THÁNG KẾT THÚC NGÀY 30 THÁNG 6 NĂM 2013**

22 QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH

Các hoạt động của Công ty có thể khiến cho Công ty chịu một số rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro về giá), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Nhìn chung các chính sách quản lý rủi ro của Công ty là nhằm giảm thiểu ảnh hưởng bất lợi tiềm tàng từ các rủi ro này đến kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty.

(1) Rủi ro thị trường

Rủi ro giá

Các cổ phiếu đã niêm yết và chưa niêm yết do Công ty nắm giữ bị ảnh hưởng bởi các rủi ro thị trường phát sinh từ tính không chắc chắn về giá trị tương lai của cổ phiếu đầu tư. Công ty quản lý rủi ro về giá cổ phiếu bằng cách thiết lập hạn mức đầu tư, danh mục đầu tư, định kỳ đánh giá lại danh mục, tuân thủ các nguyên tắc và giới hạn trong quy chế đầu tư. Ban Tổng Giám đốc của Công ty cũng xem xét và phê duyệt các quyết định đầu tư vào cổ phiếu.

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2013, nếu giá các cổ phiếu đã niêm yết và chưa niêm yết tăng/giảm 10% trong khi tất cả các biến số khác giữ nguyên không đổi, thì lợi nhuận trước thuế của Công ty sẽ cao hơn 1.259.405.644 đồng/thấp hơn 1.284.171.640 đồng tương ứng.

(2) Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro khi khách hàng hoặc đối tác trong các giao dịch công cụ tài chính không thực hiện được các nghĩa vụ hợp đồng, gây tổn thất tài chính cho Công ty. Chính sách của Công ty là chỉ giao dịch với các khách hàng có lịch sử tín dụng thích hợp nhằm giảm thiểu rủi ro tín dụng.

Mức rủi ro tín dụng tối đa đối với mỗi nhóm tài sản tài chính bằng với giá trị ghi sổ của nhóm công cụ tài chính đó trên bảng cân đối kế toán. Các nhóm tài sản tài chính lớn của Công ty là tiền gửi ngân hàng và các khoản phải thu hoạt động giao dịch chứng khoán và các khoản phải thu khác.

Không có các nhóm tài sản tài chính khác quá hạn và/hoặc giảm giá ngoại trừ các khoản tiền gửi tại ngân hàng thương mại chưa thể thu hồi (Thuyết minh 3) và các khoản phải thu từ hoạt động giao dịch chứng khoán và phải thu khác. Các khoản phải thu từ hoạt động giao dịch chứng khoán và phải thu khác quá hạn như sau:

	30.6.2013 VNĐ	31.12.2012 VNĐ
Quá hạn từ 6 tháng đến 1 năm	-	-
Quá hạn từ 1 năm đến 2 năm	-	54.434.000.000
Quá hạn từ 2 năm đến 3 năm	49.852.431.408	7.400.744.400
Quá hạn trên 3 năm	43.051.780.878	44.205.379.745
	<u>92.904.212.286</u>	<u>106.040.124.145</u>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ
CHO GIAI ĐOẠN SÁU THÁNG KẾT THÚC NGÀY 30 THÁNG 6 NĂM 2013**

22 QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(2) Rủi ro tín dụng (tiếp theo)

Giá trị ghi sổ của các khoản phải thu khách hàng được xác định là có giảm giá và sự tăng giảm dự phòng khoản giảm giá liên quan như sau:

	30.6.2013 VNĐ	31.12.2012 VNĐ
Phải thu hoạt động giao dịch chứng khoán	14.500.907.137	49.942.428.054
Phải thu khác	98.007.245.073	116.912.725.364
	<u>112.508.152.210</u>	<u>116.855.153.418</u>
Trừ: Dự khoản giảm giá (Thuyết minh 8)	(83.957.617.165)	(87.073.835.029)
	<u>28.550.535.045</u>	<u>79.781.318.389</u>

Các khoản phải thu khách hàng bị giảm giá chủ yếu phát sinh từ các khoản phải thu liên quan đến hoạt động hỗ trợ khách hàng kinh doanh chứng khoán.

(3) Rủi ro thanh khoản

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2013, Công ty có khoản nợ tài chính bao gồm phải trả người bán, phải trả giao dịch chứng khoán, và phải trả khác với số tiền là 288.027.955.546 đồng (2012: 282.730.198.054 đồng) là đồng tiền theo hợp đồng không chiết khấu có thời hạn ít hơn 1 năm.

23 GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

(a) Giao dịch với các bên liên quan

Trong kỳ, các giao dịch sau đây được thực hiện với các bên liên quan:

	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm	
	2013 VNĐ	2012 VNĐ
i) Doanh thu bán hàng và dịch vụ		
Cổ đông lớn		
Doanh thu từ phí môi giới chứng khoán	-	63.203.659
ii) Mua hàng hóa và dịch vụ		
Cổ đông lớn		
Phí thuê văn phòng	1.227.958.260	1.564.404.840

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ
CHO GIAI ĐOẠN SÁU THÁNG KẾT THÚC NGÀY 30 THÁNG 6 NĂM 2013**

23 GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

(a) Giao dịch với các bên liên quan (tiếp theo)

	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm	
	2013 VNĐ	2012 VNĐ
iii) Các khoản chi cho các nhân sự quản lý chủ chốt		
Lương và các quyền lợi gộp khác	619.200.000	600.100.000
iv) Hoạt động khác		
Cổ đông lớn		
Hoàn trả cho cổ đông lớn	- 93.622.346.100	
Lãi tiền gửi đã trả cho cổ đông lớn	- 6.390.138.888	

(b) Số dư với các bên liên quan

	30.6.2013 VNĐ	31.12.2012 VNĐ
Các khoản phải trả, phải nộp khác (Thuyết minh 13) (*)		
Lãi tiền gửi phải trả cổ đông lớn	36.293.699.417	35.243.699.417
Tiền gốc phải trả cổ đông lớn	192.000.000.000	192.000.000.000
Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán (Thuyết minh 14)		
Cổ đông lớn	17.766.420	17.596.873

- (*) Ngày 1 tháng 8 năm 2011, một tổ chức tín dụng là một cổ đông lớn của Công ty đã có thỏa thuận ủy quyền cho Công ty có toàn quyền sử dụng khoản tiền nhận rồi trong tài khoản chứng khoán của cổ đông này trong thời gian tài khoản này chưa mua chứng khoán. Công ty sẽ phải trả lãi suất 13,9%/năm cho cổ đông này trên số tiền sử dụng cho các mục đích khác. Hợp đồng này có hiệu lực đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2011. Theo đó, Công ty đã gửi 327.300.000.000 đồng vào tài khoản tiền gửi có kỳ hạn tại một ngân hàng thương mại trong năm 2011. Tại ngày 30 tháng 6 năm 2013, các khoản phải trả cho cổ đông này bao gồm gốc (192.000.000.000 đồng) và lãi từ các hợp đồng tiền gửi trên (36.293.699.417 đồng) vẫn chưa được thanh toán do ngân hàng thương mại cổ phần này đang trong giai đoạn tái cấu trúc và đang được giám sát bởi Ngân hàng Nhà Nước Việt Nam (Thuyết minh 3).

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ
CHO GIAI ĐOẠN SÁU THÁNG KẾT THÚC NGÀY 30 THÁNG 6 NĂM 2013**

24 CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG

Các hợp đồng thuê hoạt động không hủy ngang, Công ty phải trả mức tối thiểu trong tương lai như sau:

	30.6.2013 VNĐ	31.12.2012 VNĐ
Dưới 1 năm	2.454.571.200	2.454.571.200
Từ 2 đến 5 năm	4.340.047.200	5.567.332.800
Tổng cộng các khoản thanh toán tối thiểu	<u>6.794.618.400</u>	<u>8.021.904.000</u>

25 CAM KẾT MUA TÀI SẢN

Công ty có các cam kết thanh toán cho việc thực hiện hợp đồng mua tài sản cố định nhưng không thể hiện trong các báo cáo tài chính như sau do khối lượng công việc chưa được thực hiện:

	30.6.2013 VNĐ	31.12.2012 VNĐ
Mua tài sản cố định	<u>2.526.480.000</u>	<u>3.215.520.000</u>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ
CHO GIAI ĐOẠN SÁU THÁNG KẾT THÚC NGÀY 30 THÁNG 6 NĂM 2013**

26 ĐIỀU CHỈNH HỒI TỐ

Một số chỉ tiêu trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2012 đã được phân loại lại, trình bày lại để phản ánh việc thay đổi phương pháp trích lập dự phòng (Thuyết minh 2.7) và để phù hợp với cách trình bày của kỳ hiện tại.

Thuyết minh các khoản mục trình bày lại liên quan đến số dư tại ngày 30 tháng 6 năm 2012 và giai đoạn tài chính kết thúc cùng ngày như sau:

STT	Diễn giải	Ảnh hưởng đến	
		BCĐKT	KQHĐKD
		Ghi nợ/(Ghi có)	Ghi nợ/(Ghi có)
1	Phân loại lại khoản hoàn nhập dự phòng đầu tư dài hạn được ghi nhận vào doanh thu Giảm doanh thu từ hoạt động đầu tư chứng khoán Giảm chi phí hoạt động		31.147.709.342 (31.147.709.342)
2	Loại khoản thu nhập và chi phí liên quan đến các hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn theo bản chất của giao dịch Giảm khoản doanh thu khác Giảm khoản chi phí hoạt động kinh doanh		6.390.138.888 (6.390.138.888)
3	Phân loại lại chi phí thuê văn phòng phân bổ vào chi phí quản lý doanh nghiệp Tăng khoản chi phí quản lý doanh nghiệp Giảm khoản chi phí hoạt động		700.750.080 (700.750.080)
4	Phân loại lại chi phí khấu hao phân bổ vào chi phí hoạt động Tăng khoản chi phí hoạt động kinh doanh Giảm khoản chi phí quản lý doanh nghiệp		1.235.470.906 (1.235.470.906)
5	Hoàn nhập chi phí dự phòng nợ phải thu khó đòi Giảm dự phòng nợ phải thu khó đòi Giảm khoản chi phí quản lý doanh nghiệp	3.423.579.883	(3.423.579.883)

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ
CHO GIAI ĐOẠN SÁU THÁNG KẾT THÚC NGÀY 30 THÁNG 6 NĂM 2013**

26 ĐIỀU CHỈNH HỒI TỐ (tiếp theo)

Ảnh hưởng của các bút toán điều chỉnh trên đến báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2012 được thể hiện như sau:

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH (dạng rút gọn)

Mã số	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2012		
	Theo báo cáo trước đây VNĐ	Điều chỉnh VNĐ	Trình bày lại VNĐ
01 Doanh thu	47.921.988.955	(37.537.848.230)	10.384.140.725
Trong đó:			
01.9 Doanh thu khác	43.019.633.094	(37.537.848.230)	5.481.784.864
10 Doanh thu thuần về hoạt động kinh doanh	47.908.168.418	(37.537.848.230)	10.370.320.188
11 Chi phí hoạt động kinh doanh	(42.689.575.090)	37.003.127.404	(5.686.447.686)
20 Lợi nhuận gộp của hoạt động kinh doanh	5.218.593.328	(534.720.826)	4.683.872.502
25 Chi phí quản lý doanh nghiệp	(7.322.251.384)	3.958.300.709	(3.363.950.675)
30 (Lỗ)/Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	(2.103.658.056)	3.423.579.883	1.319.921.827
50 Tổng (lỗ)/lợi nhuận kế toán trước thuế	(2.103.517.635)	3.423.579.883	1.320.062.248
60 (Lỗ)/Lợi nhuận sau thuế TNDN	(2.103.517.635)	3.423.579.883	1.320.062.248

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ
CHO GIAI ĐOẠN SÁU THÁNG KẾT THÚC NGÀY 30 THÁNG 6 NĂM 2013**

26 ĐIỀU CHỈNH HỒI TỐ (tiếp theo)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (dạng rút gọn)

Mã số		Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2012		
		Theo báo cáo	Điều chỉnh	Trình bày lại
		trước đây VNĐ	VNĐ	VNĐ
I	LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	(Lỗ)/Lợi nhuận trước thuế	(2.103.517.635)	3.423.579.883	1.320.062.248
	Điều chỉnh cho các khoản:			
03	Hoàn nhập các khoản dự phòng	(31.262.983.912)	(3.308.305.313)	(34.571.289.225)
05	Lãi từ hoạt động đầu tư	(1.431.076.099)	(2.924.601.261)	(4.355.677.360)
06	Chi phí lãi vay	598.682	(598.682)	-
08	Lỗ từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	(32.845.493.845)	(2.809.925.373)	(35.655.419.218)
11	(Giảm)/tăng các khoản phải trả	(117.357.070.185)	166.051.634.626	48.694.564.441
13	Tiền lại vay đã trả	(598.682)	598.682	-
15	Thu khác từ hoạt động kinh doanh	57.431.628.979	(57.431.628.979)	-
16	Chi khác từ hoạt động kinh doanh	(1.888.383.384)	1.126.813.084	(761.570.300)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	(124.459.304.655)	106.937.492.040	(17.521.812.615)
	LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
26	Thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	-	26.781.609.000	26.781.609.000
27	Thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	1.431.076.099	1.584.855.261	3.015.931.360
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	1.431.076.099	28.366.464.261	29.797.540.360
50	Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	(123.028.228.556)	135.303.956.301	12.275.727.745
60	Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	337.328.132.980	(327.303.956.301)	10.024.176.679
70	Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	214.299.904.424	(192.000.000.000)	22.299.904.424

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ
CHO GIAI ĐOẠN SÁU THÁNG KẾT THÚC NGÀY 30 THÁNG 6 NĂM 2013**

27 NỢ TIỀM TÀNG

Trong tháng 6 năm 2013, ba nhà đầu tư mở tài khoản giao dịch chứng khoán tại Chi nhánh Hà Nội của Công ty đã khiếu nại Công ty vì mất tiền trong tài khoản kinh doanh chứng khoán của họ với tổng số tiền là 2.048.000.000 đồng. Phó Giám đốc Công ty phụ trách chi nhánh Hà Nội đã thực hiện chuyển khoản tiền này từ các tài khoản kinh doanh chứng khoán của nhà đầu tư sang tài khoản kinh doanh chứng khoán của Ông mà chưa có sự đồng ý, xác nhận của các cá nhân này.

Tại ngày báo cáo giữa niên độ này, Công ty và các cơ quan điều tra đang trong quá trình làm việc để điều tra sự việc trên. Công ty cam kết hoàn trả các khoản tiền này cho các nhà đầu tư khi có kết quả điều tra từ các cơ quan có thẩm quyền.

28 CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Kể từ khi sự kiện nêu ở Thuyết minh 27 phía trên xảy ra, bất cứ các giao dịch chứng khoán và bất kỳ giao dịch chuyển tiền của nhà đầu tư nào tại Chi nhánh Hà Nội phải được Hội Sở tại Thành phố Hồ Chí Minh phê duyệt.

Vào ngày 19 tháng 7 năm 2013, Ủy ban Chứng khoán Nhà Nước ("SSC") đã có công văn số 459/QĐ-UBCK quyết định phạt vi phạm hành chính Công ty với tổng số tiền là 340.000.000 đồng. Đồng thời, Công ty còn bị đình chỉ hoạt động môi giới trong thời gian từ ngày 29 tháng 7 năm 2013 đến ngày 2 tháng 8 năm 2013.

Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2013 đã được Ban Tổng Giám đốc duyệt phát hành ngày 16 tháng 8 năm 2013.



Trần Thị Ròng
Kế toán trưởng



Hoàng Thị Tâm
Tổng Giám đốc